**4.Ngôn Ngữ SQL**

**\*DDL**

**\*DML**

**\*DQL**

**\*DCL**

I Ngôn ngữ "Định nghĩa dữ liệu"(DDL)

1. Tạo bảng

Create table sach

(

Ma\_sach varchar(7) not null,

maTL varchar(5) null,

ten varchar(5) null,

)

1. Khóa chính

Create table sach

(

Ma\_sach varchar(7) not null,

maTL varchar(5) null,

ten varchar(5) null,

c

)

1. Khóa ngoại

Vd1:

Create table sach

(

Ma\_sach varchar(7) not null,

maTL varchar(5) null,

ten varchar(5) null,

constrant pk\_sach primary key (Ma\_sach),

constant FK\_sach\_theloai foreign key(maTL) refernces theloai(maTL)

)

Lưu ý:

Tên bảng\_Tên cột(không có dấu và không cách hoăc thêm"\_".

Nếu >=2A gọi cả hai tên.

Nếu >=2FK thì ghi định nghĩa từng FK một.

4.Tạo ràng buộc duy nhất:

\* Chỉ xẩy ra trong mối quan hệ 1-1

Create table ten bang

(

Tên cột 1 KDL ràng buộc

Tên cột 1 KDL ràng buộc

Tên cột 1 KDL ràng buộc

constrant pk\_sach primary key (tên cột PK),

constant FK\_ten bang\_tenbanglk foreign key(tên cột ) refernces tên bảng lk()

constrant UK\_tencot Unique(ten cot)

)

5.Tạo ràng buộc điều kiện

Create table ten bang

(

Tên cột 1 KDL ràng buộc,

Tên cột 1 KDL ràng buộc

Tên cột 1 KDL ràng buộc,

Constant CK\_ten cột CHECK(tên cột)

)

6.Tạo cột tự sinh:

Tên cột int not null auto increment,